

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 9590/BKHĐT-TH
V/v báo cáo nợ đọng XD CB
và danh mục các dự án
phải đình hoãn

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2012

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở Trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước;
- Ngân hàng đầu tư PT và Ngân hàng Chính sách XH.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc chuẩn bị báo cáo các nội dung liên quan nợ đọng xây dựng cơ bản và danh mục các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ phải đình hoãn do không có vốn thực hiện, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác của Trung ương; các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước (dưới đây gọi tắt là các bộ, ngành và địa phương) báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản của các bộ, ngành và địa phương và danh mục các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ phải đình hoãn do không có vốn thực hiện theo các hướng dẫn dưới đây:

A. VỀ NỢ ĐONG XÂY DỰNG CƠ BẢN

I. QUY ĐỊNH VỀ NỢ ĐONG XÂY DỰNG CƠ BẢN

1. Nợ đọng xây dựng cơ bản trong kế hoạch được tính toán căn cứ vào danh mục các dự án được bố trí vốn trong kế hoạch và khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu (dưới đây gọi tắt là khối lượng thực hiện), nhưng chưa có vốn bố trí cho phần khối lượng thực hiện của các dự án đó. Cụ thể:

a) Danh mục các dự án được đầu tư bằng nguồn vốn NSNN của các bộ, ngành, cơ quan Trung ương và các dự án bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương là các dự án có trong danh mục theo quyết định giao kế hoạch đầu tư của các cấp có thẩm quyền. Riêng đối với năm 2012 là danh mục các dự án theo các quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ và các dự án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo (Quyết định số

167/2008/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2008); hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo (Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2004 - kéo dài); hỗ trợ giải quyết đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long (Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2008); dự án tái định cư thủy điện Hòa Bình, Tuyên Quang, Sơn La; đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tuyến biên giới Việt - Trung (Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2003), Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia (Quyết định số 160/2007/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2007); các chương trình mục tiêu quốc gia;... do cấp có thẩm quyền phê duyệt¹ (dưới đây gọi tắt là danh mục các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách trung ương).

b) Danh mục các dự án được đầu tư bằng nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương là các dự án đầu tư bằng nguồn vốn này theo quyết định giao kế hoạch đầu tư của các cấp có thẩm quyền ở địa phương.

c) Danh mục các dự án được đầu tư bằng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ là các dự án theo quyết định giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

d) Khối lượng thực hiện không được vượt quá tổng mức đầu tư của các cấp có thẩm quyền quyết định. Riêng đối với các dự án sử dụng nguồn vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương và trái phiếu Chính phủ thì khối lượng để tính toán nợ đọng không được vượt quá tổng mức vốn ngân sách trung ương và vốn trái phiếu Chính phủ.

đ) Nợ đọng XDChB bằng khối lượng thực hiện của các dự án nêu trên trừ đi số vốn đã bố trí (bao gồm cả số vốn đã ứng trước kế hoạch các năm sau, nhưng chưa bố trí nguồn để thu hồi và số vốn bổ sung trong năm).

2. Nợ đọng xây dựng cơ bản ngoài kế hoạch là phần khối lượng thực hiện chưa có vốn bố trí của các dự án không thuộc danh mục kế hoạch giao vốn của cấp có thẩm quyền hoặc phần khối lượng thực hiện vượt mức quy định tại điểm 1 nêu trên.

3. Về thời gian tính toán số nợ đọng xây dựng cơ bản trong báo cáo này được xác định tại 2 thời điểm: đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 và đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

¹ Các chương trình này Thủ tướng Chính phủ giao các địa phương quyết định danh mục cụ thể.

II. DANH MỤC VÀ SỐ NỢ ĐỢNG XÂY DỰNG CƠ BẢN, NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP XỬ LÝ

Trên cơ sở các quy định nêu trên, đề nghị các bộ, ngành và địa phương báo cáo danh mục và số nợ đọng xây dựng cơ bản theo các biểu mẫu kèm theo, làm rõ nguyên nhân và giải pháp xử lý nợ đọng. Cụ thể:

1. Danh mục và số nợ đọng xây dựng cơ bản trong kế hoạch, gồm:

a) Danh mục và số nợ đọng xây dựng cơ bản các dự án đã hoàn thành, đã bàn giao sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, nguồn vốn trái phiếu Chính phủ.

b) Danh mục và số nợ đọng xây dựng cơ bản các dự án đang triển khai thực hiện sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, nguồn vốn trái phiếu Chính phủ.

2. Danh mục và số nợ đọng xây dựng cơ bản các dự án không thuộc kế hoạch.

3. Đối với các số nợ đọng xây dựng cơ bản đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo rõ số vốn kế hoạch năm 2012 đã bố trí để thanh toán số nợ này.

4. Nguyên nhân gây ra nợ đọng xây dựng cơ bản và làm rõ trách nhiệm cá nhân, tổ chức gây ra số nợ đọng xây dựng cơ bản trong kế hoạch và không thuộc kế hoạch.

5. Các giải pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản và dự kiến bố trí vốn kế hoạch năm 2013 để thanh toán.

B. CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ PHẢI ĐÌNH HOÃN DO KHÔNG CÓ VỐN THỰC HIỆN

I. QUY ĐỊNH VỀ XÁC ĐỊNH DANH MỤC CÁC DỰ ÁN PHẢI ĐÌNH HOÃN

1. Các dự án đình hoãn nguồn vốn NSNN và vốn trái phiếu Chính phủ là các dự án đang triển khai dở dang, chưa hoàn thành thuộc đối tượng sử dụng vốn NSNN và vốn trái phiếu Chính phủ đã bố trí vốn thực hiện dự án (các dự án đã bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, không bố trí vốn thực hiện dự án để thực hiện không thuộc đối tượng các dự án đình hoãn) từ kế hoạch năm 2011 trở về trước, nhưng kế hoạch năm 2012 và năm 2013 không được bố trí vốn NSNN và vốn trái phiếu Chính phủ, đồng thời cũng không huy động được các nguồn vốn khác để thực hiện (dưới đây gọi tắt là các dự án đình hoãn).

2. Các dự án đình hoãn sử dụng nguồn vốn NSNN, gồm: các dự án đã được giao kế hoạch vốn ngân sách trung ương và vốn cân đối ngân sách địa phương từ kế hoạch năm 2011 trở về trước, nhưng kế hoạch năm 2012 và năm 2013 không bố trí vốn, đồng thời cũng không huy động được các nguồn vốn khác để thực hiện; bao gồm:

a) Các dự án đình hoãn sử dụng vốn ngân sách trung ương, bao gồm: các dự án do các bộ, ngành quản lý và các dự án bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương. Mức vốn ngân sách trung ương bố trí cho các dự án đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2011 chưa vượt quá mức vốn quy định của cấp có thẩm quyền.

b) Các dự án đình hoãn được đầu tư bằng nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương là các dự án đầu tư bằng nguồn vốn này do địa phương quản lý.

3. Các dự án đình hoãn được đầu tư bằng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ là các dự án có trong danh mục theo quyết định giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư từ năm 2011 trở về trước, nhưng năm 2012 và năm 2013 không được bố trí vốn, đồng thời cũng không huy động được các nguồn vốn khác để thực hiện. Mức vốn trái phiếu Chính phủ bố trí cho các dự án chưa vượt quá mức vốn quy định theo các Nghị quyết của Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ.

II. DANH MỤC VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN PHẢI ĐÌNH HOÃN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Trên cơ sở các quy định nêu trên, đề nghị các bộ, ngành và địa phương báo cáo danh mục và tình hình thực hiện các dự án phải đình hoãn theo các biểu mẫu kèm theo và cho ý kiến về giải pháp xử lý. Cụ thể:

1. Danh mục và tình hình thực hiện các dự án phải đình hoãn, gồm: Danh mục và số vốn đã bố trí cho các dự án phải đình hoãn; tình hình thực hiện tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2011; kết quả thực hiện; số vốn còn thiếu để hoàn thành dự án hoặc thi công đến điểm dừng kỹ thuật.

2. Ngoài nguyên nhân do không có vốn bố trí thực hiện, đề nghị nêu rõ các lý do và nguyên nhân khác phải đình hoãn, như dự án chưa thật sự cấp thiết, hoặc không hiệu quả, dự án có khả năng chuyển đổi hình thức đầu tư,...

3. Các giải pháp xử lý để bảo đảm việc sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đã bố trí cho các dự án phải đình hoãn.

Việc đánh giá tình hình và xử lý nợ đọng và danh mục các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ phải đình hoãn là vấn

đề rất quan trọng, đề nghị Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ và các cơ quan trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước chỉ đạo chuẩn bị báo cáo, gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 12 năm 2012 để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP (để b/c Thủ tướng Chính phủ);
- Các đ/c Lãnh đạo Bộ;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị liên quan trong Bộ;
- Lưu: VT, Vụ TH (2 bản).



Bùi Quang Vinh

Biểu mẫu I

(Áp dụng cho các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH NỢ ĐỘNG XDCB TÍNH ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011
CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG**

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 9590 /BKHĐT-TH ngày 20 tháng 11 năm 2012)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Ngành, lĩnh vực, chương trình	Tổng số DA	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn NSNN hoặc TPCP đã bố trí đến hết ngày 31/12/2011(*)	Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến hết ngày 31/12/2011	Lũy kế giải ngân từ KC đến hết ngày 31/01/2012	Số vốn các bộ, ngành và địa phương còn nợ khối lượng chưa thanh toán ngày 31/01/2012	KH năm 2012	
			Tổng số	Trong đó: dự kiến bố trí từ nguồn vốn NSNN hoặc TPCP					Số dự án được bố trí vốn KH năm 2012 để thanh toán khối lượng nợ	Số vốn KH năm 2012 để thanh toán khối lượng nợ
1	2	3	4	5	6	7	8	9=(7)-(6)	10	11
	TỔNG SỐ									
A	NỢ ĐỘNG XÂY DỰNG CƠ BẢN TRONG KẾ HOẠCH									
I	Nguồn vốn NSNN									
	<i>Trong đó:</i>									
	- Các dự án đã hoàn thành, bàn giao đi vào sử dụng									
	- Các dự án đang thực hiện									
1	<i>Các dự án thuộc kế hoạch NSTW đã được bố trí vốn</i>									
	<i>Trong đó:</i>									

STT	Ngành, lĩnh vực, chương trình	Tổng số DA	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn NSNN hoặc TPCP đã bố trí đến hết ngày 31/12/2011 ^(*)	Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến hết ngày 31/12/2011	Lũy kế giải ngân từ KC đến hết ngày 31/01/2012	Số vốn các bộ, ngành và địa phương còn nợ khối lượng chưa thanh toán ngày 31/01/2012	KH năm 2012	
			Tổng số	Trong đó: dự kiến bố trí từ nguồn vốn NSNN hoặc TPCP					Số dự án được bố trí vốn KH năm 2012 để thanh toán khối lượng nợ	Số vốn KH năm 2012 để thanh toán khối lượng nợ
	- Các dự án đã hoàn thành, bàn giao đi vào sử dụng									
	- Các dự án đang thực hiện									
2	Các dự án thuộc kế hoạch NSDP đã được bố trí vốn									
	<i>Trong đó:</i>									
	- Các dự án đã hoàn thành, bàn giao đi vào sử dụng									
	- Các dự án đang thực hiện									
II	Các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ									
	<i>Trong đó:</i>									
	- Các dự án đã hoàn thành, bàn giao đi vào sử dụng									
	- Các dự án đang thực hiện									

STT	Ngành, lĩnh vực, chương trình	Tổng số DA	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn NSNN hoặc TPCP đã bố trí đến hết ngày 31/12/2011(*)	Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến hết ngày 31/12/2011	Lũy kế giải ngân từ KC đến hết ngày 31/01/2012	Số vốn các bộ, ngành và địa phương còn nợ khối lượng chưa thanh toán ngày 31/01/2012	KH năm 2012	
			Tổng số	Trong đó: dự kiến bố trí từ nguồn vốn NSNN hoặc TPCP					Số dự án được bố trí vốn KH năm 2012 để thanh toán khối lượng nợ	Số vốn KH năm 2012 để thanh toán khối lượng nợ
B	CÁC DỰ ÁN KHÔNG THUỘC KẾ HOẠCH ĐÃ CHO PHÉP DOANH NGHIỆP TRIỂN KHAI VÀ CÓ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN									
	<i>Trong đó:</i>									
	- Các dự án đã hoàn thành									
	- Các dự án đang thực hiện									

Ghi chú: (*) Lũy kế số vốn NSNN hoặc trái phiếu Chính phủ đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2011 và bổ sung tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2011; số vốn được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho phép ứng trước kế hoạch các năm sau (đối với nguồn vốn NSTW và trái phiếu Chính phủ số ứng trước do Thủ tướng Chính phủ quyết định; đối với nguồn vốn cân đối NSĐP số ứng trước do cấp có thẩm quyền ở địa phương quyết định), nhưng hết năm 2011 chưa bố trí nguồn đề thu hồi.

Biểu mẫu II

(Áp dụng cho các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

TÌNH HÌNH NỢ ĐỘNG XÂY DỰNG CƠ BẢN CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSNN (VỐN TRONG NƯỚC) TÍNH ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 9590./BK/HDT-TH ngày 20 tháng 11 năm 2012)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Lũy kế vốn đã bố trí đến hết ngày 31/12/2011(*)			Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến 31/12/2011		Lũy kế giải ngân từ KC đến 31/1/2012			Số nợ động xây dựng cơ bản đến ngày 31/12/2011					Kế hoạch 2012			Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
						NSTW	NSDP	Các nguồn vốn khác		NSTW	NSDP	Các nguồn vốn khác				NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	Các nguồn vốn khác		NSTW	NSDP	Các nguồn vốn khác		
7- (8)+(9)+(10)	8	9	10	11=(12)+ (13)+(14)	12	13	14	15	16	17	18	19	20= (15)-(11)	21	22	23	24=(25)+ (26)+(27)	25	26	27	28						
	TỔNG SỐ																										
A	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																										
I	Ngành/ Lĩnh vực ...																										
1	Dự án ...																										
																										
II	Ngành/ Lĩnh vực ...																										
1	Dự án ...																										
																										
B	THỰC HIỆN DỰ ÁN																										
1	Ngành, lĩnh vực																										
(1)	<i>Các dự án hoàn thành, đã bàn giao</i>																										
1	Dự án ...																										
2	Dự án ...																										
																										
(2)	<i>Các dự án đang triển khai thực hiện</i>																										
1	Dự án ...																										
2	Dự án ...																										
																										

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết ngày 31/12/2011(*)			Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến 31/12/2011		Lũy kế giải ngân từ KC đến 31/1/2012			Số nợ đọng xây dựng cơ bản đến ngày 31/12/2011			Kế hoạch 2012			Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
						NSTW	NSDP	Các nguồn vốn khác		NSTW	NSDP	Các nguồn vốn khác						NSTW	NSDP	Các nguồn vốn khác	NSTW		NSDP
II	Ngành, Lĩnh vực.....																						
...	Phân loại như trên																						
C	ĐẦU TƯ THEO MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỤ THỂ																						
I	Chương trình																						
(1)	Các dự án hoàn thành, đã bàn giao																						
1	Dự án ...																						
2	Dự án ...																						
...																						
(2)	Các dự án đang triển khai thực hiện																						
1	Dự án ...																						
2	Dự án																						
...																						
II	Chương trình																						
...	Phân loại như trên																						

Ghi chú: (*) Lũy kế số vốn đã bố trí và bổ sung đến hết kế hoạch năm 2011 (tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2011) và số vốn được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho phép ứng trước kế hoạch các năm sau (đối với nguồn vốn NSTW do Thủ tướng Chính phủ quyết định; đối với nguồn vốn cân đối NSDP do cấp có thẩm quyền ở địa phương quyết định), nhưng hết năm 2011 chưa bố trí nguồn để thu hồi.

Biểu mẫu III

(Áp dụng cho các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được bố trí vốn TPCP giai đoạn 2012-2015)

TÌNH HÌNH NỢ ĐỘNG XÂY DỰNG CƠ BẢN CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ TÍNH ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 9590.../BKHDT-TH ngày 20 tháng 11 năm 2012)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết ngày 31/12/2011(*)			Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến 31/12/2011		Lũy kế giải ngân từ KC đến 31/12/2012			Số nợ động xây dựng cơ bản đến ngày 31/12/2011			KH vốn TPCP giai đoạn 2012-2015	Kế hoạch 2012			Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
						TPCP	Các nguồn vốn khác		TPCP	Các nguồn vốn khác						TPCP	Các nguồn vốn khác		TPCP			Các nguồn vốn khác	TPCP		Các nguồn vốn khác
1	2	3	4	5	6	7- (8)+(9)	8	9	10= (11)+(12)	11	12	13	14	15= (16)+(17)	16	17	18= (13)+(10)	19= (14)+(11)	20= (18)+(19)	21	22= (23)+(24)	23	24	25	
TỔNG SỐ																									
I Ngành, lĩnh vực																									
(1) Các dự án hoàn thành, đã bàn giao																									
1	Dự án ...																								
2	Dự án ...																								
...																								
(2) Các dự án đang triển khai thực hiện																									
1	Dự án ...																								
...																								
II Ngành, Lĩnh vực.....																									
...	Phân loại như trên																								

Ghi chú: (*) Lũy kế số vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2011 và bổ sung tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2011; và số vốn cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho phép ứng trước kế hoạch các năm sau (đối với số vốn trái phiếu Chính phủ do Thủ tướng Chính phủ quyết định), nhưng hết năm 2011 chưa bố trí nguồn để thu hồi.

Biểu mẫu IV

(Áp dụng cho các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH NỢ ĐỘNG XDCB TÍNH ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012
CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG**

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 9590 /BKHĐT-TH ngày 20 tháng 11 năm 2012)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Ngành, lĩnh vực, chương trình	Tổng số DA	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn NSNN hoặc TPCP đã bố trí đến hết KH năm 2012(*)	Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến hết ngày 30/6/2012	Lũy kế giải ngân từ KC đến hết ngày 30/6/2012	Số vốn các bộ, ngành và địa phương còn nợ khối lượng chưa bố trí vốn ngày 30/6/2012	Bổ sung hoặc ứng trước KH các năm sau được cấp có thẩm quyền quyết định từ ngày 1/7/2012 đến thời điểm báo cáo		Dự kiến bố trí vốn KH năm 2013	
			Tổng số	Trong đó: dự kiến bố trí từ nguồn vốn NSNN hoặc TPCP					Số dự án được bổ sung hoặc ứng trước vốn để thanh toán khối lượng nợ	Số vốn được bổ sung hoặc ứng trước để thanh toán khối lượng nợ	Số dự án dự kiến bố trí KH để thanh toán khối lượng nợ	Số vốn dự kiến KH để thanh toán khối lượng nợ
1	2	3	4	5	6	7	8	9=(7)-(6)	10	11	12	13
	TỔNG SỐ											
A	NỢ ĐỘNG XÂY DỰNG CƠ BẢN TRONG KẾ HOẠCH											
I	Nguồn vốn NSNN											
	<i>Trong đó:</i>											
	- Các dự án đã hoàn thành, đã bàn giao											
	- Các dự án đang thực hiện											
1	<i>Các dự án thuộc kế hoạch NSTW đã được bố trí vốn</i>											
	<i>Trong đó:</i>											

STT	Ngành, lĩnh vực, chương trình	Tổng số DA	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn NSNN hoặc TPCP đã bố trí đến hết KH năm 2012(*)	Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến hết ngày 30/6/2012	Lũy kế giải ngân từ KC đến hết ngày 30/6/2012	Số vốn các bộ, ngành và địa phương còn nợ khối lượng chưa bố trí vốn ngày 30/6/2012	Bổ sung hoặc ứng trước KH các năm sau được cấp có thẩm quyền quyết định từ ngày 1/7/2012 đến thời điểm báo cáo		Dự kiến bố trí vốn KH năm 2013	
			Tổng số	Trong đó: dự kiến bố trí từ nguồn vốn NSNN hoặc TPCP					Số dự án được bổ sung hoặc ứng trước vốn để thanh toán khối lượng nợ	Số vốn được bổ sung hoặc ứng trước để thanh toán khối lượng nợ	Số dự án dự kiến bố trí KH để thanh toán khối lượng nợ	Số vốn dự kiến KH để thanh toán khối lượng nợ
	- Các dự án đã hoàn thành, đã bàn giao											
	- Các dự án đang thực hiện											
2	Các dự án thuộc kế hoạch NSDP đã được bố trí vốn											
	<i>Trong đó:</i>											
	- Các dự án đã hoàn thành, đã bàn giao											
	- Các dự án đang thực hiện											
II	Các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ											
	<i>Trong đó:</i>											
	- Các dự án đã hoàn thành, đã bàn giao											
	- Các dự án đang thực hiện											
B	CÁC DỰ ÁN KHÔNG THUỘC KẾ HOẠCH ĐÃ CHO PHÉP DOANH NGHIỆP TRIỂN KHAI VÀ CÓ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN											
	<i>Trong đó:</i>											

STT	Ngành, lĩnh vực, chương trình	Tổng số DA	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn NSNN hoặc TPCP đã bố trí đến hết KH năm 2012(*)	Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến hết ngày 30/6/2012	Lũy kế giải ngân từ KC đến hết ngày 30/6/2012	Số vốn các bộ, ngành và địa phương còn nợ khối lượng chưa bố trí vốn ngày 30/6/2012	Bổ sung hoặc ứng trước KH các năm sau được cấp có thẩm quyền quyết định từ ngày 1/7/2012 đến thời điểm báo cáo		Dự kiến bố trí vốn KH năm 2013	
			Tổng số	Trong đó: dự kiến bố trí từ nguồn vốn NSNN hoặc TPCP					Số dự án được bổ sung hoặc ứng trước vốn để thanh toán khối lượng nợ	Số vốn được bổ sung hoặc ứng trước để thanh toán khối lượng nợ	Số dự án dự kiến bố trí KH để thanh toán khối lượng nợ	Số vốn dự kiến KH để thanh toán khối lượng nợ
	- Các dự án đã hoàn thành, đã bàn giao											
	- Các dự án đang thực hiện											

Ghi chú: (*) Lũy kế số vốn NSNN hoặc trái phiếu Chính phủ đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2012 và số vốn bổ sung tính đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2012; số vốn được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho phép ứng trước kế hoạch các năm sau (đối với nguồn vốn NSTW và trái phiếu Chính phủ do Thủ tướng Chính phủ quyết định; đối với nguồn vốn cân đối NSDP do cấp có thẩm quyền ở địa phương quyết định), nhưng chưa bố trí nguồn để thu hồi.

Biểu mẫu V

(Áp dụng cho các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

TÌNH HÌNH NỢ ĐÓNG XÂY DỰNG CƠ BẢN CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSNN (VỐN TRONG NƯỚC) TÍNH ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 9590/BKHĐT-TH ngày 10 tháng 11 năm 2012)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư						Lũy kế vốn đã bỏ trí đến hết KH 2012 ^(*)			Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến 30/6/2012		Lũy kế giải ngân từ KC đến 30/6/2012			Số nợ đọng xây dựng cơ bản đến ngày 30/6/2012						Bổ sung hoặc ứng trước kế hoạch các năm sau được cấp có thẩm quyền quyết định từ 1/7/2012 đến thời điểm báo cáo			Dự kiến bỏ trí KH năm 2013			Ghi chú
					TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	NSDP	Các nguồn vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	NSDP	Các nguồn vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	NSDP	Các nguồn vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	NSDP	Các nguồn vốn khác				
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó:																					Tổng số	Trong đó:	Tổng số	
1	2	3	4	5	6	7= (8)+(9)+ (10)	8	9	10	11= (12)+(13)+ (14)	12	13	14	15	16	17	18	19	20= (15) (11)	21	22	23	24= (25) + (26) + (27)	25	26	27	28= (29) + (30) + (31)	29	30	31	32
TỔNG SỐ																															
A CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																															
I Ngành/ Lĩnh vực ...																															
I Dự án ...																															
...																															
II Ngành/ Lĩnh vực ...																															
I Dự án ...																															
...																															
B THỰC HIỆN DỰ ÁN																															
I Ngành, Lĩnh vực																															
<i>(1) Các dự án hoàn thành, đã bàn giao</i>																															
1 Dự án ...																															
2 Dự án ...																															
...																															
<i>(2) Các dự án đang triển khai thực hiện</i>																															
1 Dự án ...																															
2 Dự án ...																															
...																															
II Ngành, Lĩnh vực.....																															
... Phân loại như trên																															
C ĐẦU TƯ THEO CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ CỤ THỂ																															
I Chương trình																															

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết KH 2012(*)			Lấy kế khối lượng thực hiện từ KC đến 30/6/2012		Lấy kế giải ngân từ KC đến 30/6/2012			Số nợ đọng xây dựng cơ bản đến ngày 30/6/2012			Bổ sung hoặc ứng trước kế hoạch các năm sau được cấp có thẩm quyền quyết định từ 1/7/2012 đến thời điểm báo cáo			Dự kiến bố trí KH năm 2013			Ghi chú		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
						NSTW	NSDP	Các nguồn vốn khác		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP				Các nguồn vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	NSDP		Các nguồn vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW		NSDP	Các nguồn vốn khác
(1)	Các dự án hoàn thành, đã bàn giao																										
1	Dự án ...																										
2	Dự án ...																										
																										
(2)	Các dự án đang triển khai thực hiện																										
1	Dự án ..																										
2	Dự án																										
																										
	II Chương trình																										
	... Phân loại như trên																										

Ghi chú: (*) Lấy kế số vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2012 và số vốn bổ sung tính đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2012; số vốn được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho phép ứng trước kế hoạch các năm sau (đối với nguồn vốn NSTW do Thủ tướng Chính phủ quyết định; đối với nguồn vốn cân đối NSDP do cấp có thẩm quyền ở địa phương quyết định), nhưng chưa bố trí nguồn để thu hồi.

www.LuatVietnam.vn

Biểu mẫu VI

(Áp dụng cho các bộ, ngành và và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được bố trí vốn TPCP giai đoạn 2012-2015)

TÌNH HÌNH NỢ ĐỘNG XÂY DỰNG CƠ BẢN CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ TÍNH ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 3590/BKHĐT-TH ngày 20 tháng 11 năm 2012)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến KII 2012 ^(*)	Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến 30/6/2012		Lũy kế giải ngân từ KC đến 30/6/2012		Số nợ động xây dựng cơ bản đến ngày 30/6/2012			Bổ sung hoặc ứng trước kế hoạch các năm sau được cấp có thẩm quyền quyết định từ 1/7/2012 đến thời điểm báo cáo			Dự kiến KH năm 2013				Ghi chú																				
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TPCP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TPCP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TPCP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TPCP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TPCP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TPCP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TPCP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TPCP																
						7= (8)+(9)	8			9	10= (11)+(12)																		11	12	13	14	15= (16)+(17)	16	17	18= (13)+(10)	19= (14)+(11)	20= (18)+(19)	21= (22)+(23)	22	23	24= (25)+(26)	25	26
TỔNG SỐ																																												
I Ngành, lĩnh vực																																												
<i>(1) Các dự án hoàn thành, đã bàn giao</i>																																												
1 Dự án ...																																												
2 Dự án ...																																												
...																																												
<i>(2) Các dự án đang triển khai thực hiện</i>																																												
1 Dự án ...																																												
2 Dự án ...																																												
...																																												
II Ngành, Lĩnh vực.....																																												
... Phân loại như trên																																												

Ghi chú: (*) Lũy kế số vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2012; số vốn bổ sung tính đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2012; số vốn được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho phép ứng trước kế hoạch các năm sau, nhưng chưa bố trí nguồn để thu hồi (đối với vốn trái phiếu Chính phủ là số Thủ tướng Chính phủ quyết định cho ứng trước).

Biểu mẫu VII

(Áp dụng cho các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

DANH MỤC VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN PHẢI ĐÌNH HOẢN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSNN (VỐN TRONG NƯỚC)

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 9590/BKHĐT-TH ngày 20 tháng 11 năm 2012)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Lũy kế vốn đã bố trí đến hết ngày 31/12/2011(*)				Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến 31/12/2011		Lũy kế giải ngân từ KC đến 31/1/2012				Nhu cầu bố trí vốn để hoàn thành hoặc thi công đến điểm dừng kỹ thuật			Dự kiến bố trí nguồn vốn khác để thực hiện	Lý do và nguyên nhân đình hoãn
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							NSTW	NSDP	Các nguồn vốn khác		NSTW	NSDP	Các nguồn vốn khác				NSTW	NSDP		NSTW	NSDP			
1	2	3	4	5	6	7= (8)+(9)+(10)	8	9	10	11=(12)+(13)+(14)	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
TỔNG SỐ																								
A ĐẦU TƯ TRONG CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG																								
1	Dự án ...																							
2	Dự án ...																							
...																								
B ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG																								
I Ngành, lĩnh vực/ Chương trình																								
1	Dự án ...																							
2	Dự án ...																							
...																								
II Ngành, lĩnh vực/ Chương trình																								
... Phân loại như trên																								

Ghi chú: (*) Lũy kế số vốn đã bố trí và bổ sung đến hết kế hoạch năm 2011 (tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2011) và số vốn được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho phép ứng trước kế hoạch các năm sau (đối với nguồn vốn NSTW do Thủ tướng Chính phủ quyết định; đối với nguồn vốn cân đối NSDP do cấp có thẩm quyền ở địa phương quyết định), nhưng hết năm 2011 chưa bố trí nguồn để thu hồi.

Biểu mẫu VIII

(Áp dụng cho các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được bố trí vốn TPCP giai đoạn 2012-2015)

DANH MỤC VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ PHẢI ĐÌNH HOẢN

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 9590/BKHĐT-TH ngày 20 tháng 11 năm 2012)

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Danh mục dự án	Dia điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết ngày 31/12/2011 ^(*)			Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến 31/12/2011		Lũy kế giải ngân từ KC đến 31/1/2012			Số vốn còn thiếu để hoàn thành dự án hoặc thi công đến điểm dừng kỹ thuật	Dự kiến huy động các nguồn vốn khác để thực hiện	Lý do và nguyên nhân đình hoãn
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TPCP		Các nguồn vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		TPCP	Các nguồn vốn khác		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TPCP			
1	2	3	4	5	6	7= (8)+(9)	8	9	10= (11)+(12)	11	12	13	14	15= (16)+(17)	16	17	18	19	20
TỔNG SỐ																			
I Ngành, lĩnh vực																			
1	Dự án ...																		
2	Dự án ...																		
...																		
II Ngành, Lĩnh vực.....																			
...	Phân loại như trên																		

Ghi chú: (*) Lũy kế số vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2011 và bổ sung tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2011; và số vốn cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho phép ứng trước kế hoạch các năm sau (đối với số vốn trái phiếu Chính phủ do Thủ tướng Chính phủ quyết định), nhưng hết năm 2011 chưa bố trí nguồn để thu hồi.